

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30 tháng 11 năm 2022  
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mậu Văn Mùi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Duy Tùng và bà Trần Thị Bích Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Hoàng - Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện T

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn La - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Đào Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đào Thị H trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đặng Văn Đ kết hôn với nhau ngày 25/10/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh Đ làm dâu và vợ chồng ở chung cùng gia đình chồng đến đầu năm 2011 thì vợ chồng làm nhà ra ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ anh Đ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, đến khoảng năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên uống rượu về chửi bới và đuổi chị. Đầu năm 2022, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Vợ chồng mâu thuẫn 2 bên gia đình có biết và có hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Tất Th, sinh ngày 11/01/2009 và cháu Đặng Tất Tr, sinh ngày 02/11/2010. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/01 tháng/01 cháu.

*Về tài sản, công nợ, công sức:* Chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2022, Bị đơn là anh Đặng Văn Đ trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị H kết hôn với nhau ngày 25/10/2007, trước cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T. Sau khi kết hôn, chị H về gia đình anh làm dâu và vợ chồng ở chung cùng gia đình anh được khoảng 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng từ năm 2020 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay, nguyên nhân do một vài lần chị H đi làm về muộn có bảo anh ra đón nhưng anh không ra đón nên chị H giận dỗi và bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Anh có đến đón chị nhưng được một thời gian chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Tất Th, sinh ngày 11/01/2009 và cháu Đặng Tất Tr, sinh ngày 02/11/2010. Hiện nay, các cháu đang ở cùng với chị H. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản, công nợ, công sức:* Anh không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị hội đồng xét xử:* Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho chị Đào Thị H ly hôn anh Đặng Văn Đ. Giao cháu Đặng Tất Th, sinh ngày 11/01/2009 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Đặng Tất Tr, sinh ngày 02/11/2010 cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Đào Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đặng Văn Đ và yêu cầu giải quyết nuôi con chung, anh Đ có nơi cư trú tại xã Y, huyện T. Do đó, xác định đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đặng Văn Đ có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đào Thị H và anh Đặng Văn Đ kết hôn với nhau ngày 25/10/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau, anh Đ, chị H có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã nên chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của chị H, anh Đ đã được 02 bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay, chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị H. Đây là sự tự nguyện của anh chị nên cần xử cho chị H được ly hôn là có căn cứ và phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Đặng Tất Th, sinh ngày 11/01/2009 và cháu Đặng Tất Tr, sinh ngày 02/11/2010. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị H. Xét yêu cầu của chị H đề nghị được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng 1.000.000đ/01 tháng/01 cháu, còn anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay chị H đang ở chung cùng mẹ đẻ, vẫn chưa có nhà ở riêng và công việc của chị H đi làm từ 08 giờ sáng đến 20 giờ. Mặc dù chị H có thu nhập trung bình hàng tháng (trung bình khoảng 8.000.000đ) ổn định hơn thu nhập của anh Đ (trung bình khoảng 3.000.000đ đến 3.500.000đ) và theo nguyện vọng của các cháu đều mong muốn được tiếp tục ở với chị H nhưng để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của các cháu cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và anh Đ nuôi dưỡng cháu Tr và anh Đ, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Chị H, anh Đ không yêu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Đào Thị H ly hôn anh Đặng Văn Đ.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Đào Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Tất Th, sinh ngày 11/01/2009. Giao anh Đặng Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Tất Tr, sinh ngày 02/11/2010. Anh Đặng Văn Đ, chị Đào Thị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và cùng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] *Về án phí*: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000355 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Đào Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Mâu Văn Mùi**